

Số: /2025/QĐ-CTUBND
(DỰ THẢO)

Lai Châu, ngày tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-NĐ ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu, gồm: Giao, khoán kinh phí, khai thác, điều chuyển,

bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết và phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án.

2. Quyết định này không điều chỉnh đối với:

a) Việc bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công không phải là tài sản cố định đối với cơ quan nhà nước;

b) Việc thanh lý tài sản công quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 29 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (*sau đây gọi là Nghị định số 186/2025/NĐ-CP*);

c) Việc khai thác tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên;

d) Việc bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư;

đ) Việc bán tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập đối với tài sản có nguyên giá dưới 250 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, tài sản có giá trị đánh giá lại dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản; thanh lý tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập đối với tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, tài sản có giá trị đánh giá lại dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;

e) Thẩm quyền của Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tại điểm c khoản 4 Điều 6, khoản 2 Điều 8, khoản 3 Điều 10, Điều 11, điểm c khoản 6 Điều 14, điểm c khoản 2 Điều 22, khoản 3 Điều 28, khoản 3 Điều 32, khoản 3 Điều 34 của Nghị định số 186/2025/NĐ-CP;

g) Thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng tài sản công, khai thác, xử lý tài sản công tại Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 65 và thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 66 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

3. Những nội dung khác liên quan đến việc quản lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu, không thuộc quy

định tại khoản 1 Điều này thì thực hiện theo các quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các Nghị định của Chính phủ, các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (bao gồm cả tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam); tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (đối với tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp được Nhà nước giao hoặc được hình thành từ ngân sách Nhà nước); tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

1. Việc phân cấp phải phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan. Cơ quan, đơn vị, người được phân cấp thẩm quyền quyết định phải chịu trách nhiệm toàn diện về kết quả thực hiện nhiệm vụ, thẩm quyền được phân cấp, không lấy thêm ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ làm ảnh hưởng đến tiến độ, thời hạn giải quyết nhiệm vụ được giao.

2. Bảo đảm phù hợp với năng lực chuyên môn của các cơ quan, đơn vị và đáp ứng mục tiêu đơn giản hóa cải cách thủ tục hành chính, giảm bớt khâu trung gian, giảm thiểu các chi phí tổ chức thực hiện, phát huy trách nhiệm, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và trách nhiệm người đứng đầu, tăng cường tính chủ động và linh hoạt trong thực hiện nhiệm vụ.

3. Bảo đảm phù hợp với các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, định mức, trình tự, thủ tục, đảm bảo phù hợp với quy định Nhà nước và tình hình thực tế, yêu cầu công tác quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền quyết định giao tài sản bằng hiện vật (trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 6 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP).

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 7 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản và xe ô tô cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I (sau đây gọi

là đơn vị cấp tỉnh) quyết định giao tài sản cho đơn vị mình và các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao tài sản cho các cơ quan, đơn vị thuộc cấp xã (trừ quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 5. Phân cấp thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ, khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh, kinh phí sử dụng các tài sản khác

Đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mức khoán cụ thể áp dụng đối với từng đối tượng khoán thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở kết quả khảo sát giá, báo giá hoặc thẩm định giá, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả trong phạm vi dự toán ngân sách được giao của cơ quan, đơn vị đồng thời tuân thủ nguyên tắc khoán kinh phí sử dụng tài sản công theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

Điều 6. Phân cấp thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công

1. Các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Quyết định khai thác tài sản công của đơn vị mình và các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP (trừ các điểm a, b, c);

b) Quyết định khai thác tài sản công của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý gồm: Danh mục theo quy định tại khoản 1 Điều 50 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP (trừ các điểm a, b, c); khai thác quyền sở hữu trí tuệ theo hình thức chuyển quyền sử dụng (cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng quyền sở hữu trí tuệ của mình để kinh doanh, thương mại hóa); Góp giá trị quyền sở hữu trí tuệ làm vốn góp để thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khai thác tài sản công của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý gồm: Danh mục theo quy định tại khoản 1 Điều 50 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP (trừ các điểm a, b, c); khai thác quyền sở hữu trí tuệ theo hình thức chuyển quyền sử dụng (cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng quyền sở hữu trí tuệ của mình để kinh doanh, thương mại hóa); Góp giá trị quyền sở hữu trí tuệ làm vốn góp để thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Điều 7. Phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.

2. Các đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi tài sản công (*trừ quy định tại khoản 1 Điều này*) của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 8. Phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô giữa các sở, ban, ngành, giữa cấp tỉnh và cấp xã, giữa các xã.

2. Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công (*trừ quy định tại khoản 1 Điều này*) giữa các sở, ban, ngành, giữa cấp tỉnh và cấp xã, giữa các xã.

3. Các đơn vị cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã.

Điều 9. Phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản là xe ô tô.

2. Các đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản (*trừ quy định tại khoản 1 Điều này*) của đơn vị mình và quyết định bán tài sản của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

3. Các cơ quan, đơn vị trực thuộc các đơn vị cấp tỉnh, các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản của đơn vị mình quản lý (*trừ quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này*) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 250 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 10. Phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 7 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản; xe ô tô.

2. Các đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản công (*trừ quy định tại khoản 1 Điều này*) của đơn vị mình. Quyết định thanh lý tài sản cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tài sản là trụ sở làm việc và cơ sở hoạt động sự nghiệp có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 7 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

3. Các cơ quan, đơn vị trực thuộc các đơn vị cấp tỉnh, các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản cố định của đơn vị mình

quản lý (*trừ quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này*) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 11. Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

Các đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu hủy tài sản công theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật chuyên ngành và quy định có liên quan khác của đơn vị mình và của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 12. Phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 7 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản; xe ô tô.

2. Các đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại (*trừ quy định tại khoản 1 Điều này*) của đơn vị mình và quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 7 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản, tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

3. Các cơ quan, đơn vị trực thuộc các đơn vị cấp tỉnh, các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công của đơn vị mình quản lý (*trừ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này*) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 13. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

Các đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án

Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án giao, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy và xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước (*trừ trường hợp quy*

định tại khoản 3, khoản 4 Điều 91 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP) thực hiện như đối với thẩm quyền được phân cấp tại Điều 4, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Quyết định này.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2025.
2. Trường hợp văn bản dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.
3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 16;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB& Quản lý VPHC);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh: U;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VP UBND tỉnh: V, C;
- Công báo tỉnh; Báo Lai Châu;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, Kt3.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Lương